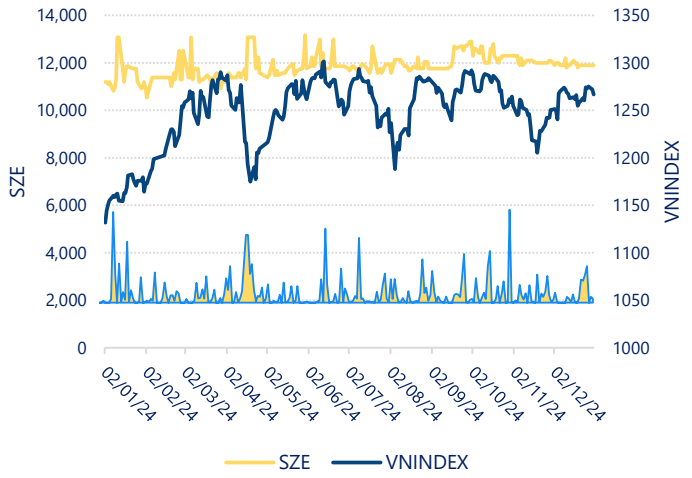
KẾT QUẢ KINH DOANH

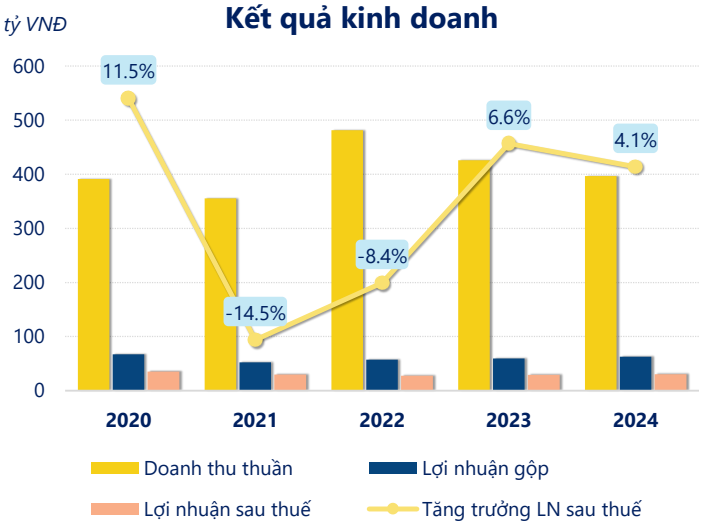
Ngày 31/12/2024	11,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	-4.0%	2.0%

Lịch sử giá



	2024	YoY
DT thuần	396 tỷ VNĐ	▼ 30.0 ▼ 6.9%
LN gộp	62.6 tỷ VNĐ	▲ 3.00 ▲ 5.1%
LN thuần	35.9 tỷ VNĐ	▲ 0.70 ▲ 2.1%
LN sau thuế	30.6 tỷ VNĐ	▲ 1.20 ▲ 4.1%

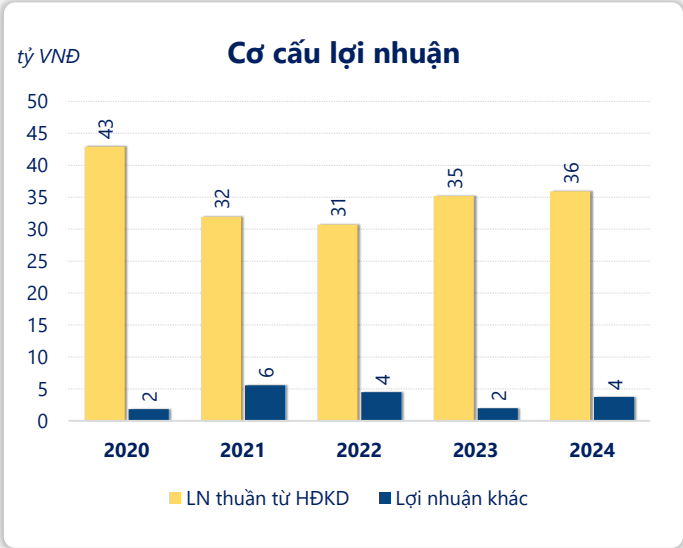
Kết quả kinh doanh

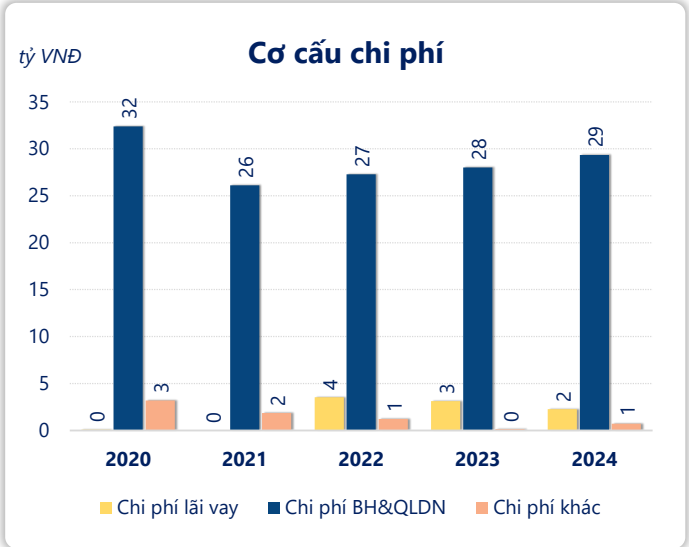


	2024	+/- YoY
ROE	8.5%	▲ 0.3%
ROA	4.9%	▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh **SZE** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **396.4** tỷ đồng **giảm 6.92%**, lợi nhuận sau thuế đạt 30.57 tỷ đồng **tăng 4.15%**.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

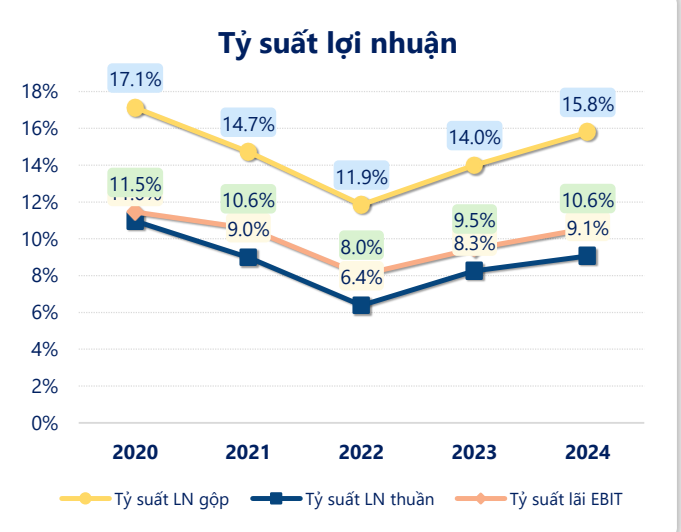


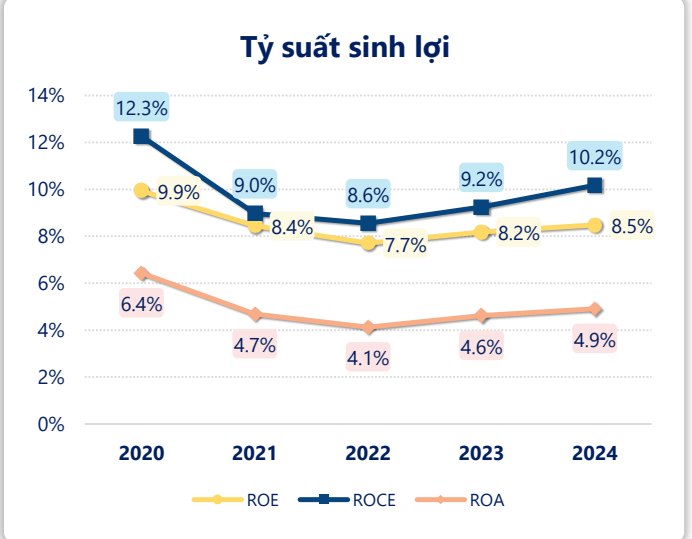


Năm **2024**, **SZE** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **35.93** tỷ đồng, **tăng lên 0.74** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (35.33 tỷ đồng) là 0.60 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

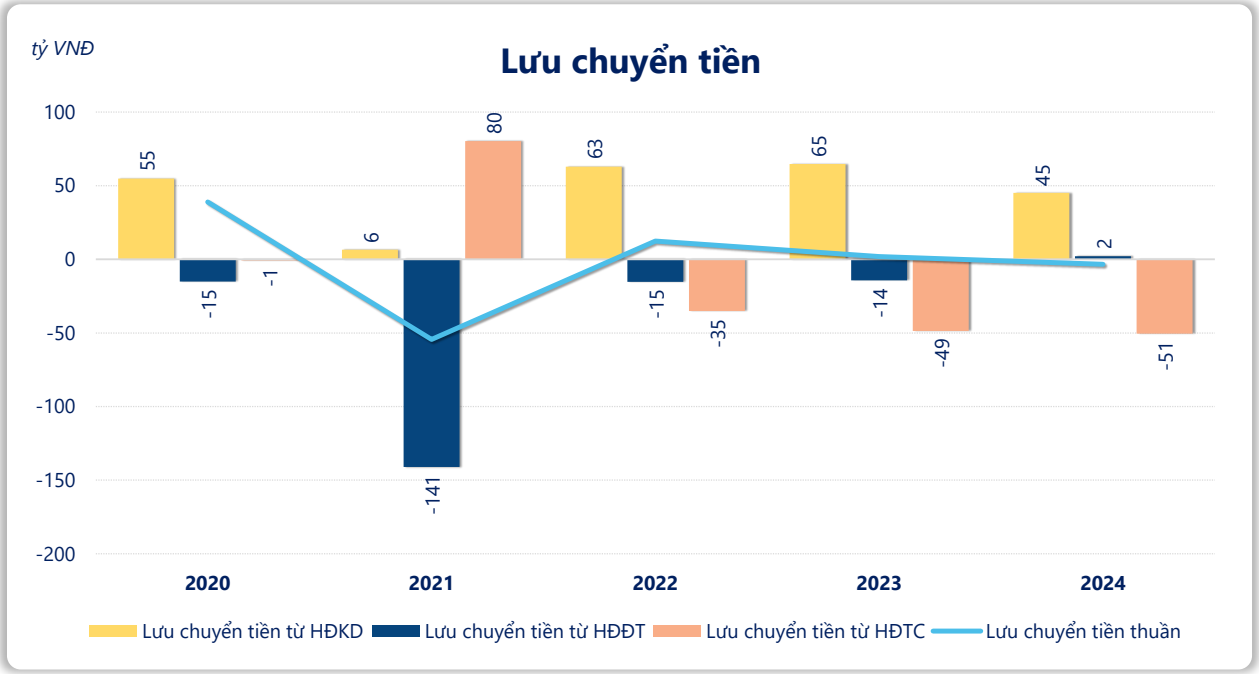
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **2.26** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **29.36** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.71** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SZE năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **8.48%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**391**	**355**	**481**	**426**	**396**
Giá vốn hàng bán	324	303	424	366	334
Lợi nhuận gộp	**67.0**	**52.3**	**57.0**	**59.6**	**62.6**
Doanh thu HĐTC	8.35	5.77	4.52	6.72	4.92
Chi phí TC	0.08	0	3.55	3.13	2.26
Chi phí lãi vay	**0.08**	**0**	**3.55**	**3.13**	**2.26**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	32.4	26.1	27.3	28.0	29.4
LN thuần từ HĐKD	**42.9**	**31.9**	**30.7**	**35.2**	**35.9**
Lợi nhuận khác	1.83	5.58	4.47	1.99	3.74
LN trước thuế	**44.7**	**37.5**	**35.2**	**37.2**	**39.7**
Lợi nhuận sau thuế	**35.2**	**30.0**	**27.5**	**29.4**	**30.6**
LNST của CĐ cty mẹ	**35.2**	**30.0**	**27.5**	**29.4**	**30.6**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SZE bằng **-3.39** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (1.77 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **45.14** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **2.05** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-50.58** tỷ đồng.